TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/DS-PT
Ngày: 30/8/2022
V/v "Đòi quyền sử dụng đất lấn chiếm "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**.

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Võ Tấn Dũ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất lấn chiếm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 239/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang B – sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Trần Thị Kim E – sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, F, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Anh Nguyễn Văn G – sinh năm 1977;

2.2 Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị Dương Mỹ G – sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp I, xã J, huyện K, tỉnh Tiền Giang. Nơi ở hiện nay: Số 79, L, M, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn*:

3.1 Ông Lê Quang N – sinh năm 1945; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3. 2 Bà Lê Thị O – sinh năm 1947; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AA, xã AB, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3. 3 Bà Lê Thị P – sinh năm 1947; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AC, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3.4 Bà Lê Thị Q – sinh năm 1958; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AD, xã AE, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3. 5 Bà Lê Thị R – sinh năm 1963; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3 (Ấp Đông), F, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3.6 H Thị S – sinh năm 1961 (Người thừa kế của bà Lê Thị T chết năm 2018); (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AF, xã AG, huyện K, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

**** Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Quang B và đại diện nguyên đơn trình bày:***

Cha của ông là cụ Lê Quang U (chết năm 2008) và mẹ của ông là cụ Trần Thị V (chết năm 2002). Cụ U và cụ V sinh được các người con gồm Lê Thị T (chết năm 2018) có 01 người con tên H Thị S; Lê Quang N; Lê Thị O; Lê Thị P; Lê Thị Q; Lê Thị R; Lê Quang B.

Khi còn sống, cụ U và cụ V tạo lập được khối tài sản là diện tích 11.460m^2 đất, cụ U đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 11.460m^2 cụ thể: Thửa 18, diện tích 7.400m^2, loại đất lúa; Thửa 20, diện tích 2.520m^2, đất thổ quả; Thửa 342, diện tích 1.540m^2 đất lúa, tất cả các thửa đất đều tại ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10/5/2007, cụ U đã chuyển nhượng cho anh G và chị H diện tích 4.000m^2 đất lúa thuộc 01 phần thửa số 20 và 01 phần thửa đất số 18 tờ bản đồ số 1. Sau khi tách thửa diện tích đất chuyển nhượng cho anh G, chị H thì diện tích đất còn lại của ông U được cấp là 6.718,9m^2, thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00239 do Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp ngày 01/8/2007.

Thời điểm chuyển nhượng đất cho anh G, chị H các bên có yêu cầu cán bộ địa chính, đo đạc, thẩm tra diện tích đất chuyển nhượng và cắm trụ bằng gỗ để xác định ranh giới giữa diện tích đất chuyển nhượng cho anh G, chị H với diện tích còn lại của ông U.

Đến năm 2008, sau khi cụ U qua đời thì ông có yêu cầu địa chính đo đạc để làm chủ quyền nhận đất thừa kế thì phát hiện hai trụ bằng gỗ đã được anh G, chị H

thay thế bằng trụ xi-măng và trụ xi-măng anh G, chị H cắm lấn sang đất còn lại của cụ U ngang khoảng 5m, chiều dài hết thửa đất, ông có yêu cầu anh G, chị H đo đạc lại nhưng anh G, chị H không đồng ý.

Đến năm 2017 khi đo đạc lại diện tích đất của anh G, chị H thì xác định anh G, chị H sử dụng tổng diện tích 4.937,9m^2, diện tích chênh lệch là 937,9m^2 trong đó anh G, chị H lấn rạch là 231,1m^2, diện tích chênh lệch còn lại là 705,6m^2 anh G, chị H đã lấn đất của ông U.

Ông Lê Quang B khởi kiện yêu cầu anh G, chị H trả lại cho ông diện tích 705,6m^2 đất lúa đã lấn chiếm.

**** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Vào tháng 5/2007, vợ chồng anh có thỏa thuận hợp đồng để nhận chuyển nhượng 4.000m^2 đất lúa của ông Lê Quang U là cha của ông Lê Quang B. Đến ngày 27/6/2007 có cán bộ địa chính huyện và xã D đo đạc, thẩm định diện tích ông U chuyển nhượng cho vợ chồng anh chị và trong biên bản có ghi cụ thể các số đo của phần đất chuyển nhượng. Từ phần ranh đất giữa phần đất vợ chồng anh nhận chuyển nhượng và phần đất còn lại của ông U ở phía Đông thì có cắm 02 trụ gỗ phía Bắc và phía Nam để xác định và tất cả cùng ký tên vào biên bản kể cả các hộ tứ cận. Sau đó, hai bên thống nhất thay trụ gỗ thành 02 trụ xi-măng cắm ngay vị trí của 02 trụ gỗ và có mặt chứng kiến của vợ chồng ông B, bà W. Vợ chồng anh chị đã tiến hành đắp bờ đất để làm ranh giới giữa 02 phần đất. Bờ ranh này có chiều ngang khoảng 0,5m và chiều dài theo hết phần đất, bờ ranh này không thay đổi từ khi đắp cho đến nay.

Phần đất vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng của ông U ở phía Bắc giáp rạch và phía Tây một phần giáp rạch, một phần giáp đất của ông Lê Quang N. Trong quá trình sử dụng đất từ năm 2007 đến nay vợ chồng anh chị có lấn một phần rạch ở phía Tây có chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 70m và phá một bờ ranh giữa đất nhà giáp với đất nhận chuyển nhượng của ông U có chiều ngang khoảng 1,5m và chiều dài khoảng 42m. Do đó, nếu phần đất vợ chồng chị mua của ông U có chênh lệch hơn 4.000m^2 là vì các lý do nêu trên, vợ chồng anh chị không lấn đất của ông U và khi còn sống ông U cũng không ý kiến khiếu nại gì. Nay vợ chồng anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B đòi vợ chồng anh chị trả diện tích đất lấn chiếm là 705,6m^2.

* Đối với ông Tỏ, bà O, bà P, bà Q, bà R, chị S (con của bà T chết năm 2018) là người thừa kế của cụ U thống nhất giao ông Lê Quang B đại diện hàng thừa kế của cụ Y khởi kiện đòi anh G, chị H trả diện tích đất lấn chiếm do cụ U đứng tên quyền sử dụng đất, mọi người không tranh chấp đối với diện tích đất cụ U để lại cho ông B quản lý và có đơn xin vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 239/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang:

- Căn cứ các Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ các Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang B đối với anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh G, chị H có nghĩa vụ trả lại cho ông B (là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ U) diện tích 706,8m^2 tọa lạc ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang mà anh G, chị H đã lấn chiếm đất của cụ U, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật, đất có vị trí như sau:

- Đông giáp đất ông Lê Quang U;

- Tây giáp đất anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị H;

- Nam giáp đất ông Lê Quang X;

- Bác giáp Bờ rạch, rạch.

(Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2020, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H là bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V/v buộc bị đơn trả lại 706,8m^2 quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật.

Về nội dung : đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét. Nhận thấy, bản án sơ thẩm nhận định và quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án (có phân tích trong bài phát biểu kèm theo). Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sân sự sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Quang B (là người thừa kế của cụ Lê Quang U) quyền sử dụng đất diện tích 401m^2 tại ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H trong thời hạn, đúng với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định *"tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất lấn chiếm"* là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét nội dung : Anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang B về việc buộc anh G, chị H phải giao trả cho ông Lê Quang B trả lại 706,8m^2 quyền sử dụng đất, xét thấy:

- Xét biên bản thẩm tra, đo đạc diện tích đất đề ngày 27/6/2007 và biên bản xác minh ngày 21/9/2020 của Tòa án xác định vào năm 1997 cụ U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 18, diện tích 7.400m^2, thửa 20 diện tích 2.520m^2, giữa 02 thửa đất số 18 và thửa 20 có 01 con rạch, trong quá trình sử dụng cụ U đã lấp con rạch ngăn giữa hai thửa để nhập thành 01 thửa đất số 27, có diện tích 10.718,9m^2 (cộng diện tích trọn thửa 18, trọn thửa 20 và diện tích lấp rạch giữa 02 thửa đất) để trồng lúa. Năm 2007 cụ U đã chuyển nhượng cho anh G, chị H diện tích 4.000m^2 đất lúa, sau khi trừ diện tích đã chuyển nhượng cho anh G, chị H thì cụ U còn lại diện tích 6.718,9m^2.

- Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chổ phần đất tranh chấp và qua kết quả đo đạc thực tế phần đất của các bên do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện A đo đạc thực tế:

+ Thửa đất số 18 của ông Lê Quang Y (ông Lê Quang B đang quản lý) được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00239 ngày 01/8/2007 là 6.718,9m^2 nhưng qua đo đạc thực tế có diện tích 5.969,4m^2 (không tính diện tích đất tranh chấp) và diện tích bờ rạch 335,1m^2, tổng cộng là 6.304,5m^2, **giảm 414,4m^2 so với diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**

+ Thửa đất số 20 của ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.000m^2 . Đo đạc thực tế có diện tích là 4.937,7m^2, trừ diện tích 232,1m^2 anh G, chị H đã lấn rạch để sử dụng thì diện tích đất anh G, chị H sử dụng **tăng 706,8m^2 so với diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**.

- Xét ý kiến anh G, chị H cho rằng diện tích vợ chồng anh sử dụng tăng so với giấy là do lấn rạch nhưng sau khi trừ diện tích lấn rạch thì phần đất vợ chồng anh chị vẫn tăng so với giấy được cấp là 706,8m^2. Đồng thời vợ chồng anh chị cho rằng quá trình sử dụng vợ chồng anh chị có lấp 01 phần diện tích đất trũng (chưa được cấp giấy) nằm giữa thửa đất mà vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng của cụ U với thửa đất số 32, diện tích 397,4m^2. Theo biên bản thẩm tra đo đạc diện tích đất đề ngày 27/6/2007 và sơ đồ các thửa đất cấp cho ông U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 thể hiện thửa đất số 20 của cụ U giáp với thửa đất số 23 của ông Nguyễn Văn Lường, hoàn toàn không có 01 thửa đất trũng nào nằm giữa thửa đất anh G chị H với thửa đất số 23 của ông Lường. Do vậy ý kiến của anh G, chị H là không có căn cứ.

- Xét vợ chồng anh G, chị H cho rằng hiện tP đất vợ chồng anh chị sử dụng đúng với sơ đồ vị trí đất đã nhận chuyển nhượng được thẩm tra, đo đạc ngày 27/6/2007 cụ thể: chiều ngang cạnh giáp rạch là 16,4m và chiều ngang giáp với thửa đất còn lại của vợ chồng anh G, chị H là 44m. Lúc chuyển nhượng hai bên có thống nhất ranh và đắp bờ đất (ngang 0,5m, dài đến ranh giữa ông U với ông X. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2022, lúc ông G, bà H chuyển nhượng đất của ông Y hai bên chỉ tiến hành đo đạc và cắm cọc ranh bằng gỗ, khoảng 1 năm sau phía ông G mới đắp bờ, phía ông B không biết đến khi phát hiện không đồng ý. Qua kiểm tra sơ đồ vị trí thửa đất lúc anh G, chị H chuyển nhượng theo biên bản ngày 27/6/2007 chỉ thể hiện cạnh giáp rạch là 16,4 m; cạnh giáp thửa đất số 23 có 03 đoạn trong đó 01 đoạn có chiều ngang 10,6m, 01 đoạn có chiều ngang 10,4m, còn đoạn còn lại không thể hiện chiều ngang. Mặt khác, về hình thể tứ cận thửa đất phía đông chỉ giáp ranh với đất ông Lê Quang Y, không có đoạn giáp ranh ông Lê Quang X. Như vậy, hiện tP thực tế anh G, chị H đang sử dụng đất cạnh giáp bờ rạch là phù hợp với số đo thửa đất lúc chuyển nhượng nhưng cạnh giáp thửa đất số 32 của anh G, chị H đoạn giáp ranh ông Lê quang X là không phù hợp hiện tP lúc chuyển nhượng đất.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định phần đất tranh chấp có ký hiệu (1) diện tích 305,5m^2 thuộc quyền sử dụng của anh G, chị H; phần ký hiệu số (2) diện tích 401m^2 trên sơ đồ trích đo thửa đất ngày 19/8/2022 thuộc quyền sử dụng của ông Lê Quang Y (ông Lê Quang B thừa kế sử dụng) bị anh G, chị H sử dụng lấn chiếm.

Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc bị đơn anh G, chị H trả lại cho ông B diện tích đất lấn chiếm là 706,8m^2 gồm phần đất có ký hiệu (1) và (2) là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh G, chị H là có căn cứ chấp nhận một phần như đã phân tích trên.

Các phần khác của bản án DSST không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Do Hội đồng xét xử sửa một phần bản án

DSST nên anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Chi phí tố tụng trong quá trình xét xử phúc thẩm: Bị đơn tự nguyện chịu không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều Điều 26, Điều 148, Điều 271, 272, 273, 296, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ các Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Xử**: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 239/2020/DSST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

1. Buộc anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Quang B (là người thừa kế của cụ Lê Quang U) quyền sử dụng đất diện tích 401m^2 (phần diện tích có ký hiệu (2) theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 19/8/2022) tại ấp C, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang do anh G, chị H đang quản lý, sử dụng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Phần đất có vị trí, tứ cận như sau:

- Đông giáp đất ông Lê Quang U (do ông Lê quam B quản lý, sử dụng);

- Tây giáp đất anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị H (dài từ điểm ký hiệu A đến điểm ký hiệu B);

- Nam giáp đất ông Lê Quang X;

- Bắc là điểm có ký hiệu A giáp Bờ rạch, rạch.

(Có sơ đồ kèm theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 19/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A).

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai để tiến hành thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Anh G, chị H có nghĩa vụ trả lại cho ông B số tiền 2.000.000 đồng chi phí, thẩm định định giá tài sản tranh chấp.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí DSPT.

Anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSPT theo biên lai thu số 0016758 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Hoàn lại cho ông Lê Quang B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai số 40196 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện A, TG;
- CCTHADS huyện A, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Nhàn